

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2015/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 14 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 11 về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Trị tại Tờ trình số 1121/TTr-SNN ngày 17 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020 nhằm thực hiện Nghị quyết số 02/2014/NQ- HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác nông nghiệp, chủ trang trại (sau đây gọi là khách hàng) vay vốn đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo Đề án xây dựng nông thôn mới tại 117 xã và Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp tại các phường, thị trấn.

2. Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay gồm: các chi nhánh ngân hàng thương mại tại tỉnh Quảng Trị, Phòng Giao dịch Ngân hàng Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là Ngân hàng cho vay).

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc

- Ưu tiên hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất các loại cây trồng, con nuôi theo hình thức hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ, theo mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh;

- Việc hỗ trợ lãi suất chỉ áp dụng cho các dự án cho vay mới ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thoả mãn điều kiện cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng cho vay để đầu tư trực tiếp vào sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ theo cơ chế tín dụng thông thường;

- Việc xét chọn dự án cho vay có hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ cơ sở, đúng đối tượng, đảm bảo tính công khai dân chủ, minh bạch;

- Mức lãi suất của các ngân hàng cho vay làm cơ sở để thực hiện chính sách hỗ

trợ lãi suất theo Quy định này là mức lãi suất cho vay áp dụng trong từng thời kỳ của ngân hàng cho các khoản vay phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

- Một khoản vay của khách hàng thuộc phạm vi thụ hưởng của nhiều chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay (Trung ương, tỉnh...) thì khách hàng chỉ được lựa chọn để hưởng một chính sách hỗ trợ lãi suất.

2. Điều kiện hỗ trợ lãi suất

a) Khách hàng vay vốn có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của xã, quy hoạch và phương án phát triển sản xuất của phường, thị trấn được cấp có thẩm quyền phê duyệt như sau:

- UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) phê duyệt dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có mức vốn vay đến 1,0 tỷ đồng;

- UBND huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện) phê duyệt dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mức vốn vay trên 1,0 tỷ đồng. Đối với các dự án có mức vay lớn và liên quan đến sự phát triển của vùng, UBND cấp huyện lấy ý kiến thẩm định của các Sở, ngành chuyên môn liên quan trước khi phê duyệt.

b) Phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng phải chứng minh được hiệu quả kinh tế mang lại cho người sản xuất, kinh doanh và khả năng hoàn trả vốn vay theo quy định của ngân hàng cho vay.

c) Sản phẩm cuối cùng làm ra phải là sản phẩm hàng hóa có chất lượng, phù hợp nhu cầu thị trường, gắn kết được giữa sản xuất với các cơ sở chế biến hiện tại và có khả năng kết nối với sản phẩm cùng loại trong cả tỉnh để hình thành vùng hàng hóa có sản lượng lớn, ổn định lâu dài. Khuyến khích phát triển sản phẩm mới, sản phẩm mang tính đặc trưng của các vùng miền trong tỉnh.

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Các lĩnh vực cho vay

1. Cho vay phát triển cây trồng, con nuôi hàng hóa của tỉnh và các sản phẩm đặc trưng của từng vùng, miền, gồm:

a) Lĩnh vực trồng trọt

Ngoài các nội dung được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ còn được hỗ trợ vốn vay để sản xuất theo quy định này, cụ thể:

- Đối với lúa: Cho vay ngắn hạn hỗ trợ lãi suất 01 năm đối với các hộ gia đình là thành viên của tổ kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp có thực hiện hợp đồng liên kết với doanh nghiệp để sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo hình thức "cánh đồng lớn", lúa chất lượng cao có quy mô từ 20 ha trở lên. Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất là 14 triệu đồng/ha/năm;

- Đối với ngô: Cho vay ngắn hạn hỗ trợ lãi suất 01 năm, có thực hiện hợp đồng liên kết với doanh nghiệp để sản xuất ngô tập trung thâm canh có quy mô từ 01 ha trở lên. Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất là 14 triệu đồng/ha/năm;

- Đối với cà phê: Cho vay trung hạn hỗ trợ lãi suất 3 năm (01 năm trồng mới và 02 năm đầu chăm sóc) đối với hộ nông dân trồng cà phê (bao gồm cả trồng mới và trồng tái canh) với quy mô từ 0,25 - 2,0 ha. Định mức cho vay trồng mới được hỗ trợ lãi suất là 30 triệu đồng/ha/năm, chăm sóc 14 triệu đồng/ha/năm;

- Đối với hồ tiêu: Cho vay trung hạn hỗ trợ lãi suất 03 năm (01 năm trồng mới và 02 năm đầu chăm sóc) đối với hộ nông dân trồng hồ tiêu (bao gồm cả trồng mới và trồng tái canh) với quy mô từ 0,05 - 1,0 ha. Định mức cho vay trồng mới được hỗ trợ lãi suất là 140 triệu đồng/ha/năm, chăm sóc 14 triệu đồng/ha/năm;

- Đối với cao su: Cho vay trung hạn hỗ trợ lãi suất 06 năm (01 năm trồng mới và 05 năm đầu chăm sóc) đối với hộ nông dân trồng cao su tiểu điền với quy mô mỗi hộ từ 0,5 - 3,0 ha. Định mức cho vay trồng mới được hỗ trợ lãi suất là 20 triệu đồng/ha, chăm sóc 07 triệu đồng/ha/năm.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Ngoài các nội dung được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tại Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 4 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ còn được hỗ trợ lãi suất để phát triển chăn nuôi đối với các loại vật nuôi lợn, bò theo hướng thâm canh, đảm bảo an toàn sinh học, có hệ thống Biogas hoặc đệm lót sinh học trong chăn nuôi, cụ thể như sau:

- Đối với chăn nuôi lợn:

+ Cho vay hỗ trợ lãi suất 02 năm đối với chăn nuôi lợn nông hộ: quy mô từ 2 - 5 con lợn nái hoặc 10 đến 50 con lợn thịt. Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất 20 triệu đồng - 100 triệu đồng/ mô hình;

+ Cho vay hỗ trợ lãi suất 05 năm đối với trang trại chăn nuôi lợn bán công nghiệp và công nghiệp: quy mô từ 10 - 20 con lợn nái và 100 - 300 con lợn thịt. Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất 200 triệu đồng - 1,0 tỷ đồng mô hình;

- Đối với chăn nuôi bò: Cho vay hỗ trợ lãi suất 03 năm đối với chăn nuôi bò nhót (bò thâm canh): quy mô từ 02 con đến 10 con trở lên. Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất 30 triệu đồng - 150 triệu đồng/ mô hình.

c) Lĩnh vực thủy sản

Cho vay hỗ trợ lãi suất 03 năm đối với hộ gia đình nuôi cá nước ngọt theo hình thức thâm canh, quy mô tập trung có diện tích mặt nước từ 1.000 m² trở lên đối với vùng đồng bằng, từ 500 m² trở lên đối với vùng miền núi. Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất từ 150 triệu đồng/ha.

d) Phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương

Áp dụng cho vay đối với các hộ phát triển các sản phẩm đặc sản của địa phương có giá trị kinh tế cao (chuối, thanh long, na, bơ, chanh trái vụ, cam, lợn bản, gà đồi ...). Loại sản phẩm, quy mô sản xuất và định mức cho vay, thời hạn hỗ trợ lãi suất vốn vay do UBND huyện, thành phố, thị xã quyết định.

e) Hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa có liên kết theo mô hình cánh đồng lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và nhân rộng sáng kiến các mô hình phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Thời gian cho vay đối với lĩnh vực này không quá 02 năm và định mức cho vay hỗ trợ lãi suất từ 50 đến 500 triệu đồng/mô hình.

2. Các hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất

Cho vay đối với hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã triển khai các hoạt động sản xuất có ứng dụng quy trình tiến bộ khoa học công nghệ và quy trình sản xuất tiên tiến, gồm:

- Sản xuất nông nghiệp sạch;
- Ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước trong trồng trọt;
- Ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô, vi sinh trong sản xuất;
- Ứng dụng hệ thống tự động hóa trong chăn nuôi;
- Máy móc chuyên dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp: Máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp...;

Thời gian cho vay đối với lĩnh vực này không quá 03 năm và định mức cho vay hỗ trợ lãi suất từ 50 đến 500 triệu đồng/mô hình.

3. Cho vay phát triển kinh tế trang trại

Áp dụng cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình có các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngoài đối tượng trên, chính sách mở rộng cho các hộ gia đình, cá nhân có các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản gần đạt tiêu chí xác định kinh tế trang trại nhưng diện tích không được thấp hơn 1,5 ha hoặc thu nhập dưới 300 triệu đồng/năm.

Nội dung cho vay phát triển kinh tế trang trại gồm: vay để mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất (giống, phân bón, thức ăn...); mua máy móc, trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, thuê mướn công lao động.

Thời gian cho vay được hỗ trợ lãi suất để phát triển kinh tế trang trại không quá 03 năm và định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng/trang trại.

Điều 5. Mức hỗ trợ lãi suất, định mức cho vay tối đa và thời hạn cho vay

1. Mức hỗ trợ lãi suất

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% số tiền lãi cho khách hàng vay trong suốt thời hạn cho vay đối với khoản cho vay ngắn hạn;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất đối với 02 năm đầu, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ 30% lãi suất cho các khách hàng vay vốn tại các ngân hàng cho vay đối với khoản vay trung, dài hạn.

2. Các khoản vay không được hỗ trợ lãi suất theo Quy định này

a) Các khoản vay không thuộc các đối tượng tại Điều 1 của Quy định này.

b) Các khoản vay đảo nợ; sử dụng vốn sai mục đích.

c) Các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn và các khoản vay được ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ tính từ thời điểm cơ cấu lại nợ cho khách hàng.

3. Thời gian vay vốn và thời gian hỗ trợ lãi suất

a) Thời gian vay vốn được hỗ trợ lãi suất là các khoản vay trong hạn (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) bằng đồng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết 31/12/2020.

b) Tùy vào chu kỳ kinh doanh của cây trồng, con nuôi và quy trình sản xuất sản phẩm để quyết định thời gian cho vay được hỗ trợ lãi suất. Trong trường hợp thời hạn hợp đồng vay vốn quá thời điểm 31/12/2020 thì thời gian được hỗ trợ lãi suất chỉ tính theo thời gian thực tế đến ngày 31/12/2020.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất

1. Hồ sơ vay vốn

- Dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Khoản 2, Điều 3 Quy định này;

- Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất có xác nhận của UBND cấp xã;

- Các loại giấy tờ, thủ tục vay vốn của ngân hàng cho vay theo quy định. Hợp đồng tín dụng này được Ngân hàng đóng dấu “Cho vay hỗ trợ lãi suất”.

2. Trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất

Bước 1: Khách hàng vay vốn trả tiền gốc và phần lãi suất phải trả tại kế ước vay vốn của ngân hàng cho vay.

Bước 2: Khi thu lãi tiền vay theo kỳ hạn phải trả của khách hàng, Ngân hàng cho vay lập hồ sơ xác nhận số tiền lãi phải hỗ trợ cho khách hàng chuyển cho UBND, Ban Quản lý nông thôn mới xã, gồm:

- Ngày, tháng, dư nợ đầu và cuối của thời kỳ tính thu lãi của khách hàng vay;

- Tổng số tiền lãi đã thu của khách hàng trong thời kỳ tính lãi, tổng số tiền lãi được hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định này.

Bước 3: Ban quản lý nông thôn mới xã lập bộ chứng từ theo quy định, gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc Phòng Kinh tế các thành phố, thị xã.

Bước 4: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã lập hồ sơ chuyên, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Kho bạc Nhà nước cấp huyện đề nghị chi trả cho ngân hàng cho vay.

Điều 7. Yêu cầu về thời gian thẩm định và chế độ báo cáo

1. Thời gian thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh

a) UBND các cấp thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức biết.

2. Chế độ báo cáo: Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các huyện, thành phố, thị xã; Ngân hàng Nhà nước báo cáo kết quả thực hiện về UBND và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh (qua Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh).

Điều 8. Xử lý vi phạm và rủi ro

1. Trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì Ngân hàng cho vay tiến hành thông báo bằng văn bản cho các đơn vị liên quan về việc không hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay vi phạm và xử lý khoản vay theo quy chế cho vay hiện hành.

2. Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh dẫn đến chưa trả được nợ theo kỳ hạn, khách hàng có đơn xin được hỗ trợ lãi suất cho thời gian gia hạn nợ gửi ngân hàng cho vay, UBND cấp huyện để được xử lý theo quy định. Thời gian hỗ trợ lãi suất cho khoản nợ đã được gia hạn không quá 06 tháng.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Hàng năm, căn cứ mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương phân bổ và khả năng của ngân sách địa phương để hỗ trợ lãi suất theo quyết định này. Nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất để phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo đề án xây dựng nông thôn mới của 117 xã từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn ngân sách tỉnh; đối với đề án phát triển sản xuất nông nghiệp của các phường, thị trấn từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Để đảm bảo nguồn ngân sách hỗ trợ lãi suất vốn vay không vượt quá khả năng chi trả, hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan tính toán tổng ngân sách hỗ trợ lãi suất cho tổng dư nợ năm trước, xây dựng gói tín dụng cụ thể cho năm sau trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. UBND cấp huyện chủ động sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ lãi vay theo dự toán hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Nếu không sử dụng hết sẽ hoàn trả ngân sách.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Khách hàng vay vốn

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho Ban Quản lý cấp xã số tiền lãi đã được hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Ngân hàng cho vay

a) Hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục cho khách hàng vay vốn, đảm bảo việc cho vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng. Chủ trì thẩm định các yếu tố cho vay theo quy định.

b) Công bố công khai lãi suất cho vay áp dụng cho các đối tượng được vay hỗ trợ lãi suất theo quy định này.

c) Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để bảo đảm việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật và tính hiệu quả đối với các khách hàng vay vốn.

d) Thực hiện sao, lưu chứng từ, các báo cáo chi tiết theo từng khoản hỗ trợ lãi suất đảm bảo tính chính xác, minh bạch rõ ràng để tạo điều kiện cho công tác thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất theo quy định này.

đ) Nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất thì lập thủ tục thông báo cho Ban Quản lý cấp xã để xử lý dừng hỗ trợ hoặc thu hồi nếu đã hỗ trợ.

e) Tổ chức việc theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, ngân hàng cấp trên và việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

3. UBND và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo cấp huyện)

a) Ban Chỉ đạo cấp huyện

- Chỉ đạo cơ quan liên quan cấp huyện và Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định này;

- Chỉ đạo đưa chủ trương và các quy định về hỗ trợ lãi suất vào nội dung tập huấn, tuyên truyền của các cấp, các ngành; thông tin, truyền thông trên các phương tiện thông tin để giúp nhân dân biết và thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của các đối tượng vay vốn theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 quy định này;

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời phát hiện và đề xuất giải pháp xử lý các tình huống nảy sinh trong thực tiễn trình UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (Phòng Kinh tế thành phố, thị xã), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

- Tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất của các địa phương, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp huyện theo định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm;

- Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn ngân sách để hỗ trợ lãi suất theo quy định.

5. UBND, Ban Chỉ đạo và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã

a) Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của các đối tượng vay vốn theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 quy định này.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã xác nhận vào giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay theo quy định tại Khoản 1, Điều 6.

c) Phối hợp với các tổ chức tín dụng trong việc kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn vay của khách hàng khi có yêu cầu.

d) Kịp thời phát hiện việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích của khách hàng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp trên xử lý.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì tham mưu cho Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất.

b) Hằng năm chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực cho vay được hỗ trợ lãi suất; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan tính toán tổng ngân sách hỗ trợ lãi suất cho tổng dư nợ năm trước, xây dựng gói tín dụng cụ thể cho năm sau trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Chủ trì chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con nuôi; ứng dụng có hiệu quả tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ trong nông nghiệp theo nội dung Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10

năm 2013 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Trị

a) Chỉ đạo và hướng dẫn các ngân hàng cho vay về quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp với Sở, Ban ngành có liên quan và các địa phương tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

c) Tổng hợp kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất báo cáo định kỳ cho Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và UBND tỉnh.

d) Phổ biến rộng rãi chủ trương hỗ trợ lãi suất đến tất cả các Ngân hàng cho vay để thực hiện.

7. Sở Tài chính

a) Chủ trì hướng dẫn phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ lãi suất thuộc ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các địa phương.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan, tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu UBND tỉnh phân bổ, lồng ghép, điều chỉnh kế hoạch nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Trung ương đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ lãi suất theo quy định.

b) Phối hợp sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định các dự án vay vốn của tổ chức, các cá nhân có mức vay lớn và liên quan đến sự phát triển của vùng tại Khoản 2, Điều 3 của Quy định này.

9. Kho bạc Nhà nước các cấp

a) Hướng dẫn các thủ tục mở tài khoản, các hồ sơ chứng từ nhận tiền hỗ trợ từ Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách và quản lý nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Thực hiện việc kiểm soát chi hỗ trợ lãi suất đối với các địa phương theo đúng mục đích quy định. Có quyền từ chối các khoản chi không đúng mục đích hỗ trợ lãi suất.

c) Phối hợp với Ban Chỉ đạo cấp huyện và ngân hàng cho vay xử lý các khoản tiền thu hồi từ khách hàng nếu phát hiện sử dụng vốn sai mục đích.

10. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh

a) Hướng dẫn chế độ báo cáo việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất, kết quả hỗ trợ lãi suất của các địa phương; tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh định kỳ quý, 6 tháng, năm.

b) Phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất khi cần thiết.

c) Kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, đề xuất UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các Sở, ngành hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện quy định này. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, UBND các cấp kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng Nhà nước tỉnh để tổng hợp đề xuất UBND tỉnh bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chính